

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBN22B** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH002200** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Quản lý chất lượng theo ISO, HACCP**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201021270	Lâm Quốc	Bảo	03/03/2007				8	7.0	7.0			8.5		8.0
2	2256201021271	Mai Hoàng Bảo	Chiêu	27/06/2007				8	6.0	8.0			10.0		8.9
3	2256201021276	Nguyễn Long	Giang	30/11/2007				9	8.0	8.0			9.0		8.7
4	2256201021277	Trương Nhật	Hào	20/10/2007				8	6.0	7.0			10.0		8.7
5	2256201021278	Ngô Dương Trung	Hậu	22/05/2007				7	7.0	6.0			9.0		8.0
6	2256201021280	Huỳnh Trí	Khang	16/11/2006				8	7.0	8.0			7.8		7.7
7	2256201021282	Trần Trúc	Lam	28/11/2007				9	7.0	9.0			10.0		9.3
8	2256201021283	Phạm Chí	Linh	03/04/2007				8	8.0	9.0			10.0		9.4
9	2256201021284	Lê Thành	Nam	03/10/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
10	2256201021285	Nguyễn Văn	Nam	25/09/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
11	2256201021286	Nguyễn Hữu	Quốc	05/09/2006				9	8.0	8.0			9.0		8.7
12	2256201021287	Lê Thị Bảo	Ngân	03/10/2007				5	6.0	6.0			10.0		8.3
13	2256201021288	Hồ Thị Tuyết	Nhi	28/10/2007				8	9.0	8.0			10.0		9.4
14	2256201021289	Bùi Thanh	Nhật	28/12/2007				7	7.0	7.0			9.5		8.5
15	2256201021290	Nguyễn Hữu	Tâm	14/07/2007				9	7.0	8.0			10.0		9.1
16	2256201021291	Lê Minh	Thắng	03/07/2007				7	6.0	6.0			10.0		8.5
17	2256201021294	Nguyễn Chí	Thiện	28/11/2007				7	8.0	7.0			10.0		9.0
18	2256201021295	Huỳnh Văn	Thông	15/04/2007				7	8.0	7.0			10.0		9.0
19	2256201021296	Trần Phước	Tiến	08/07/2007				9	7.0	9.0			10.0		9.3
20	2256201021297	Trần Đức	Toàn	10/12/2007				9	7.0	9.0			10.0		9.3
21	2256201021298	Phan Thị Bảo	Trâm	10/04/2007				7	8.0	8.0			10.0		9.1
22	2256201021299	Bùi Thị Ngọc	Trân	10/03/2007				9	8.0	8.0			10.0		9.3
23	2256201021300	Huỳnh Trung	Nhân	11/10/2006				7	8.0	7.0			10.0		9.0
24	2256201021301	Nguyễn Hữu	Trung	30/10/2005				8	7.0	7.0			5.0		5.9

Châu Đốc, ngày 31 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Trương Quốc Bình